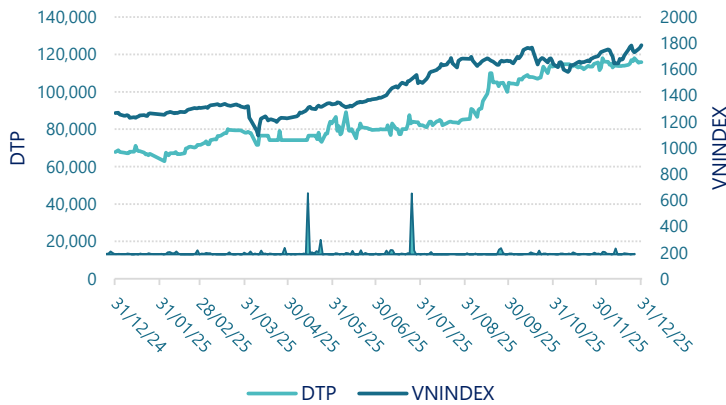




## CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội (UPCOM: DTP)

### Lịch sử giá



### Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	<b>115,900</b>
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	118,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	62,873
SL cổ phiếu LH	32,458,084
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,000
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,762
P/E	13.3
EPS	8,741

### DT thuần

Q4/25

# 554

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 137 | 32.9%

YoY: ▲ 155 | 38.9%

### LN sau thuế

Q4/25

# 61.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 37.5 | -37.9%

YoY: ▲ 17.4 | 39.3%

### Tỷ suất lãi EBIT

2025

# 19.2%

+/- YoY: ▼ 1.7%

### DT thuần

2025

# 1,695

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 402 | 31.1%

### LN sau thuế

2025

# 284

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 47.0 | 19.6%

### ROE

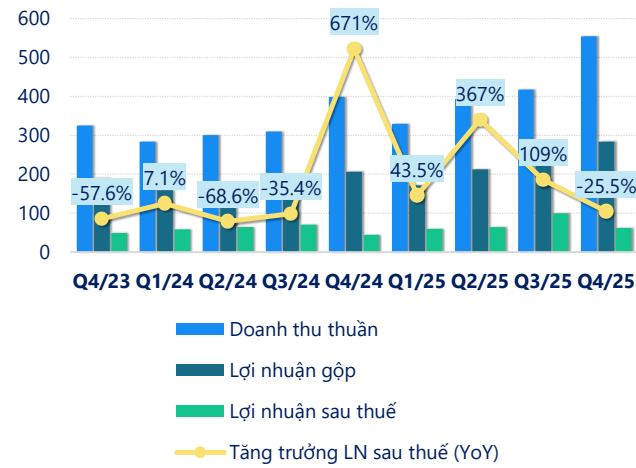
2025

# 26.1%

+/- YoY: ▼ 0.8%

tỷ VNĐ

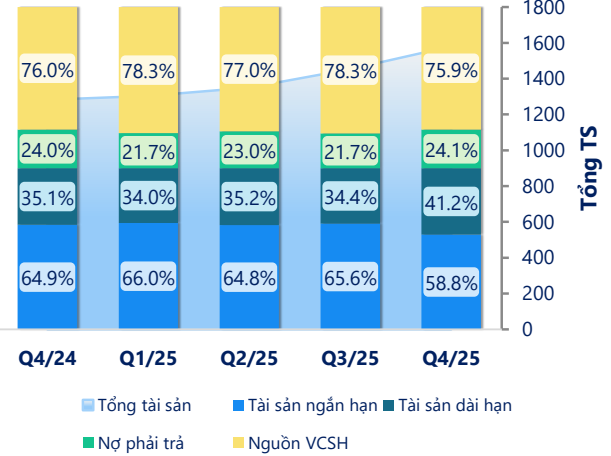
**Kết quả kinh doanh**



(Nguồn: fireant.vn)

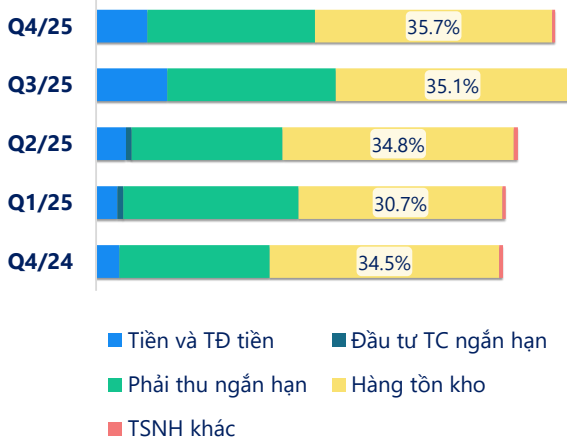
**Cơ cấu Tổng tài sản**

tỷ VNĐ



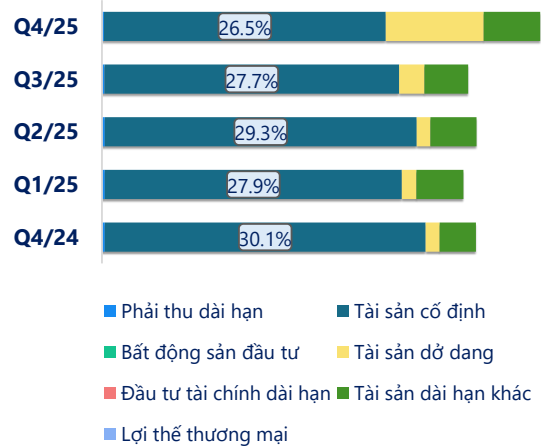
(Nguồn: fireant.vn)

**Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS**



(Nguồn: fireant.vn)

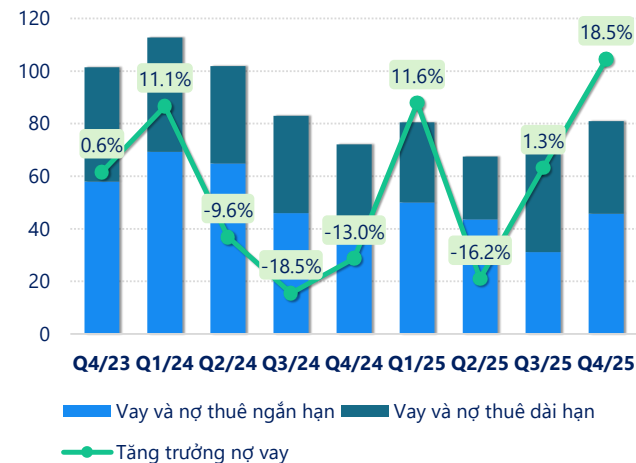
**Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS**



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

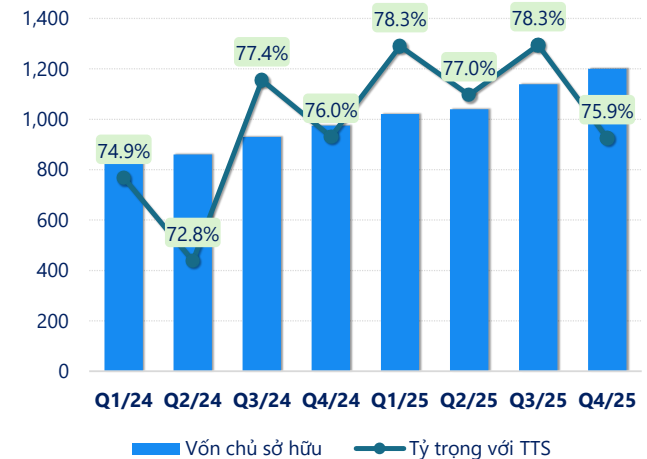
**Nợ vay**



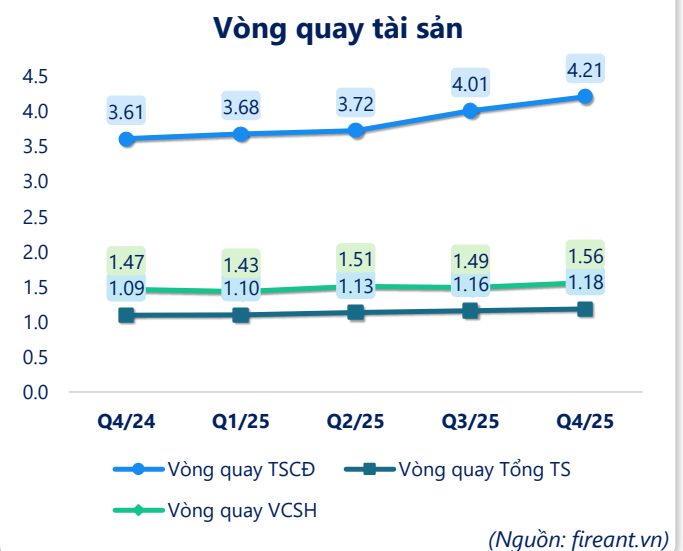
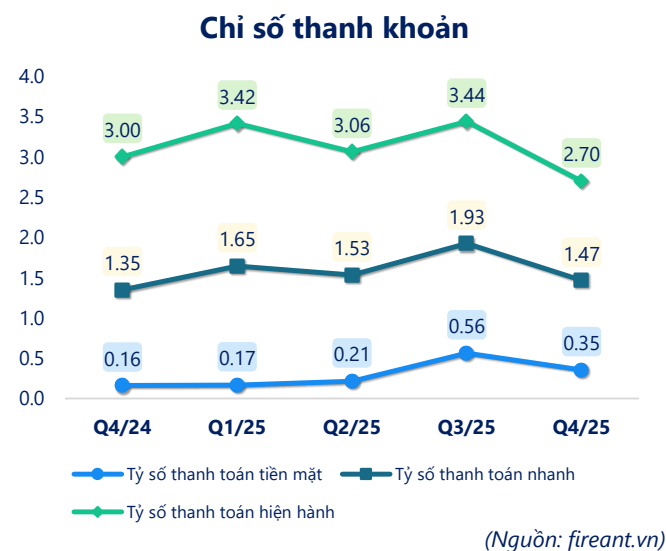
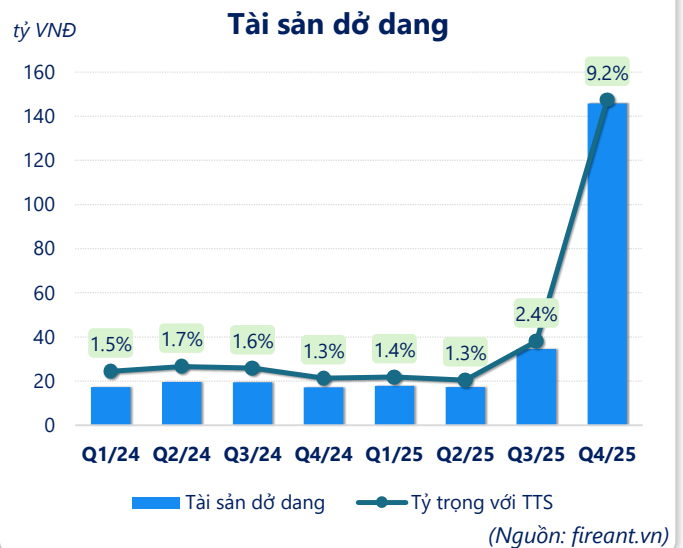
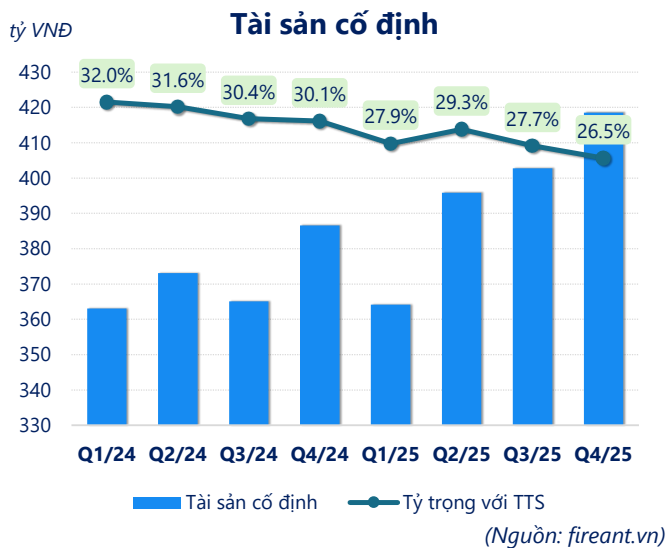
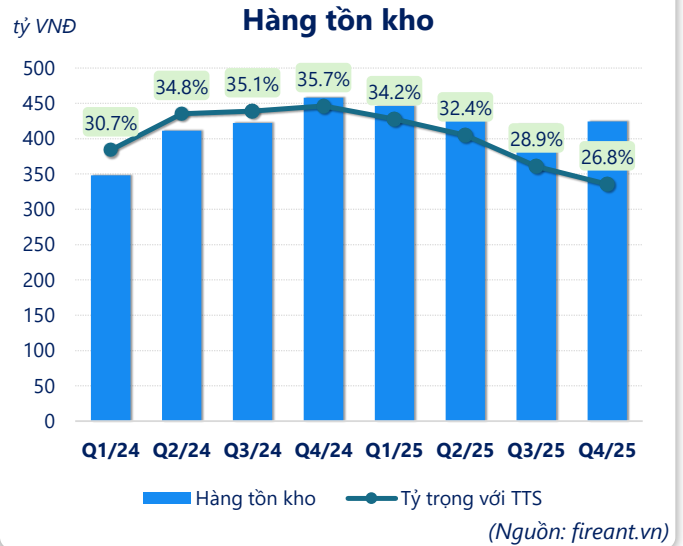
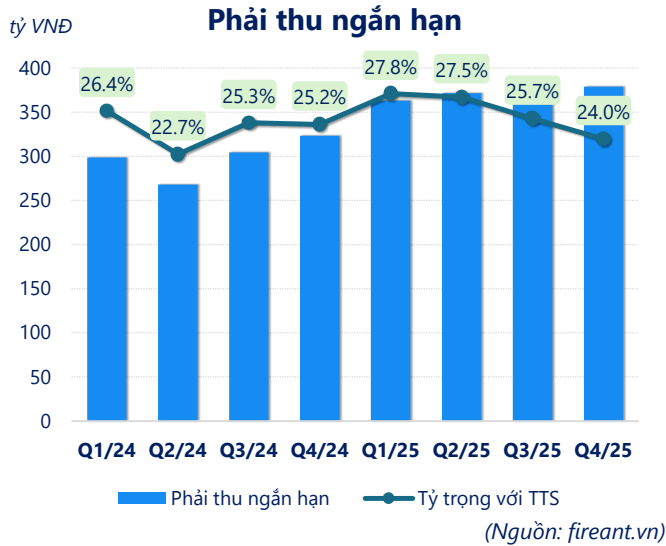
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

**Vốn chủ sở hữu**



(Nguồn: fireant.vn)



<b>CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b> (tỷ VNĐ)	<b>Q4/24</b>	<b>Q1/25</b>	<b>Q2/25</b>	<b>Q3/25</b>	<b>Q4/25</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1,283</b>	<b>1,304</b>	<b>1,350</b>	<b>1,454</b>	<b>1,581</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>832</b>	<b>861</b>	<b>874</b>	<b>953</b>	<b>929</b>
Tiền và tương đương tiền	44.8	41.9	60.9	156	122
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	5.00	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	323	363	372	374	379
Hàng tồn kho	458	446	437	420	424
Tài sản ngắn hạn khác	5.56	4.82	4.73	3.66	3.80
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>451</b>	<b>443</b>	<b>475</b>	<b>501</b>	<b>652</b>
Phải thu dài hạn	3.58	3.56	3.54	3.52	3.11
Tài sản cố định	387	364	396	403	418
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	17.1	17.8	17.2	34.5	146
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	43.5	57.6	58.8	59.9	84.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
<b>Nợ phải trả</b>	<b>308</b>	<b>283</b>	<b>310</b>	<b>315</b>	<b>380</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>277</b>	<b>252</b>	<b>285</b>	<b>277</b>	<b>344</b>
Vay và nợ thuê ngắn hạn	41.7	50.1	43.5	31.1	45.7
Phải trả người bán ngắn hạn	80.2	86.0	41.0	67.7	51.5
Nợ dài hạn	31.1	31.1	24.6	38.1	35.8
Vay và nợ thuê dài hạn	30.5	30.5	23.9	37.2	35.3
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>975</b>	<b>1,021</b>	<b>1,040</b>	<b>1,139</b>	<b>1,200</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>975</b>	<b>1,021</b>	<b>1,040</b>	<b>1,139</b>	<b>1,200</b>
Vốn điều lệ	162	162	325	325	325
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

*(Nguồn: fireant.vn)*